

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ
môi trường rừng năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/11/2011 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ BV&PTR;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 1379/QĐ-BNN-TCLN ngày 18/6/2013, Quyết định số 2487/QĐ-BNN-TCLN ngày 24/10/2013 và Quyết định số 13/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/01/2014 của Bộ NN&PTNT công bố diện tích rừng thuộc lưu vực trong phạm vi hai tỉnh trở lên làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Công văn số 163/VNFF-BĐH ngày 31/8/2015 của Quỹ BV&PTR Việt Nam thông báo dự kiến điều phối tiền chi trả DVMTR năm 2016;

Xét đề nghị của Sở NN&PTNT tại Tờ trình số 37/TTr-SNN-KH ngày 21/03/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm 2016 trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

1. Kế hoạch thu tiền DVMTR năm 2016: 23.093.658.360 đồng, gồm:

a. Thu tiền DVMTR năm 2016: 16.798.625.000 đồng (Biểu 01).

b. Thu tiền DVMTR năm 2015: 6.295.033.360 đồng.

2. Kế hoạch chi tiền DVMTR năm 2016: 16.798.625.000 đồng, gồm:

a. Chi hỗ trợ công tác khoán quản lý bảo vệ rừng: 12.099.310.000 đồng

- b. Chi hoạt động bộ máy điều hành Quỹ (10%): 1.679.862.500 đồng;
c. Chi Quỹ dự phòng (5%): 14.574.000 đồng;
d. Chi bổ sung sau khi đạt kế hoạch thu: 3.004.878.500 đồng (Biểu 02)
3. Thu tiền các đơn vị tạm ứng: 10.787.990.000 đồng, cụ thể:
- Sở NN&PTNT: 777.999.000 đồng;
 - Chi cục Lâm nghiệp: 10.000.000 đồng;
 - Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long: 10.000.000.000 đồng;
4. Đối với tiền DVMTR năm 2011, 2012 và năm 2014, 2015
- Tiền DVMTR năm 2011, 2012: thực hiện chi sau khi UBND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng tiền.
 - Tiền DVMTR năm 2014, 2015: Sau khi hoàn thành thu tiền DVMTR năm 2014 và 2015 hoàn thành, Quỹ BV&PTR tham mưu thực hiện chi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.


Điều 2. Giao Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng triển khai thực hiện, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo quy định.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở: KH&ĐT, Tài chính, NN&PTNT, TN&MT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Hội đồng Quản lý Quỹ BV&PTR ; Giám đốc Quỹ BV&PTR; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các đơn vị cung ứng và sử dụng DVMTR; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Quỹ BV&PTR Việt Nam;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTN;
- Lưu: VT (Đ.Thống QĐ 25) 16C

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Biểu 01: CHI TIẾT KẾ HOẠCH THU TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 của UBND tỉnh)

TT	Tổ chức sử dụng DVMTR	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ lưu vực (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
[A]	[B]	[C]	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
I	CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN	Kwh		20 (đ)		12.683.006.000	
1	QUỸ TRUNG ƯƠNG THU ĐIỀU PHỐI CHO QUỸ TỈNH					12.219.080.000	
-	Nhà máy thủy điện Trị An	Kwh	1.598.500.000	20	2,04%	648.910.000	Theo Công văn số 163/VNFF-BĐH ngày 31/8/2015 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam về Thông báo dự kiến điều phối tiền chi trả DVMTR năm 2016.
-	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Kwh	770.800.000	20	35,54%	5.451.200.000	
-	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Kwh	320.000.000	20	51,80%	3.298.320.000	
-	Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Kwh	230.000.000	20	55,01%	2.518.010.000	
-	Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glun (thuộc Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Sài Gòn)	Kwh	75.810.000	20	20,06%	302.640.000	
2	QUỸ TỈNH THU					463.926.000	
-	Nhà máy thủy điện Bù Cà Mau (thuộc Công ty TNHH TM-DV-SX Cát Nam)	Kwh	14.986.200	20	100%	299.724.000	Theo số liệu kê khai năm 2016.
-	Nhà máy thủy điện Đắc U (thuộc Công ty cổ phần Đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân)	Kwh	8.210.100	20	100%	164.202.000	
II	CƠ SỞ SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG NƯỚC SẠCH	m³		40 (đ)		4.115.069.000	
1	QUỸ TRUNG ƯƠNG THU ĐIỀU PHỐI CHO QUỸ TỈNH					3.895.010.000	
-	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH 1 TV	m ³	506.408.000	40	17,23%	3.473.520.000	Theo Công văn số 163/VNFF-BĐH ngày 31/8/2015 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam
-	Công ty TNHH 1 TV Cấp nước Đồng Nai	m ³	61.500.000	40	16,31%	399.150.000	
-	Công ty CP DV & XD Cấp nước Đồng Nai	m ³	3.445.000	40	16,30%	22.340.000	

ĐVT: đồng

- Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương							Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã công bố tỷ lệ lưu vực tại Quyết định số 2487/QĐ-BNN-TCLN ngày 24/10/2013.
Nhà máy nước Dĩ An	m ³		40	16,56%			
Nhà máy nước Thủ Dầu Một	m ³		40	39,11%			
Nhà máy nước Khu liên hiệp-Tân Uyên	m ³		40	16,56%			
Nhà máy nước Uyên Hưng	m ³		40	16,57%			
2 QUỸ TÌNH THU						220.059.000	
- Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước	m ³	4.669.266	40	100%		186.771.000	Theo số liệu kê khai năm 2016.
- Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	m ³	397.191	40	100%		15.888.000	
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ thủy lợi Bình Phước	m ³	435.000	40	100%		17.400.000	
III TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH DU LỊCH	Doanh thu			1%		550.000	
QUỸ TÌNH THU						550.000	
- Ban Quản lý Vườn quốc gia Bù Gia Mập	Doanh thu	55.000.000	1%	100%		550.000	Theo số liệu kê khai năm 2016.
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước (Khu di tích núi Bà Rá)	Doanh thu			100%			Chưa ký Hợp đồng ủy thác.
TỔNG CỘNG (I+II+III)						16.798.625.000	

Biểu 02: CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Quyết định số 753./QĐ-UBND ngày 04 / 4 /2016 của UBND tỉnh)

TT	Đối tượng	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/ha)	Tổng số tiền chi (đồng)	Trong đó (đồng)		Ghi chú
					Chi phí quản lý	Chi trả DVMTR	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[3]*[4]	[6]=[5]*10%	[7]=[5]-[6]	[8]
I	Chi hỗ trợ công tác quản lý bảo vệ rừng (cho Chủ rừng là tổ chức)	48.397,24	250.000	12.099.310.000	1.209.931.000	10.889.379.000	Theo Điều 15 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của Chính phủ.
1	Ban QLRPH Bù Gia Phú	251,47	250.000	62.868.000	6.286.800	56.581.200	Thuộc lưu vực Sông Bé
2	Hạt Kiểm lâm Thị xã Phước Long	629,46	250.000	157.365.000	15.736.500	141.628.500	Thuộc lưu vực Sông Bé
3	Công ty TNHH MTV Cao Su Sông Bé	5.924,791	250.000	1.481.198.000	148.119.800	1.333.078.200	
	- NLT Bù Đốp	5.534,515	250.000	1.383.629.000	138.362.900	1.245.266.100	Thuộc lưu vực Sông Bé
	- NLT Nghĩa Trung	390,276	250.000	97.569.000	9.756.900	87.812.100	Thuộc lưu vực Sông Bé, Sông Đồng Nai
4	Công ty TNHH MTV Cao Su Phước Long	5.841,5	250.000	1.460.375.000	146.037.500	1.314.337.500	
	- NLT Đăk Mai	5.841,5	250.000	1.460.375.000	146.037.500	1.314.337.500	Thuộc lưu vực Sông Bé
5	Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Phước	4.398,519	250.000	1.099.630.000	109.963.000	989.667.000	
	- NLT Đồng Xoài	982,06	250.000	245.515.000	24.551.500	220.963.500	Thuộc lưu vực Sông Mã Đà
	- NLT Tân Lập	2.416,647	250.000	604.162.000	60.416.200	543.745.800	Thuộc lưu vực Sông Mã Đà
	- NLT Đồng Tâm	133,293	250.000	33.323.000	3.332.300	29.990.700	Thuộc lưu vực Sông Mã Đà
	- NLT Lam Sơn 3	866,519	250.000	216.630.000	21.663.000	194.967.000	Thuộc lưu vực Sông Mã Đà
6	Ban Quản lý Vườn QG Bù Gia Mập	24,855	250.000	6.213.750.000	621.375.000	5.592.375.000	Thuộc lưu vực Sông Bé
7	Ban QLRPH Bù Đăng	2.215,5	250.000	553.875.000	55.387.500	498.487.500	Thuộc lưu vực Sông Đồng Nai
8	VQG Cát Tiên	4.075,59	250.000	1.018.898.000	101.889.800	917.008.200	Thuộc lưu vực Sông Đồng Nai
9	Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp Nam Bộ (Viện KHLN Nam Bộ)	205,41	250.000	51.353.000	5.135.300	46.217.700	Thuộc lưu vực Sông Mã Đà
II	Chi hoạt động Bộ máy Quỹ (10%)			1.679.862.500			Có dự toán riêng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt

III	Quỹ dự phòng 5% = 839.931.000 đồng (= 825.357.000 đồng + 14.574.000 đồng)			14.574.000			Theo quy định tại khoản 3, Điều 6 – Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính, nguồn kinh phí Quỹ dự phòng năm 2015 chưa sử dụng là 825.357.000 đồng được chuyển sang Quỹ dự phòng năm 2016. Do vậy, để đạt tổng nguồn Quỹ dự phòng (5%) năm 2016 là 839.931.000 đồng, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng trích bổ sung Quỹ dự phòng từ nguồn thu theo kế hoạch thu DVMTR năm 2016 là 14.574.000 đồng
IV	Số tiền chưa chi (so với kế hoạch thu đạt 100%)			3.004.878.500			Sẽ điều chỉnh kế hoạch chi bổ sung sau khi thu đạt 100% kế hoạch (16.798.625.000 đ)
TỔNG CỘNG				16.798.625.000			